

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

| <u>Nội dung</u> | <u>Trang</u> |
|---|--------------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2-4 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 5-6 |
| Báo cáo tài chính đã được kiểm toán | 7-59 |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 | 7-10 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2020 | 11 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2020 | 12-13 |
| Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 | 14-59 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107795944 ngày 07 tháng 4 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 11 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 11 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 3 năm 2021.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 11: 500.000.000.000 đồng.

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại : 0766 074 787
Mã số thuế : 0 1 0 7 7 9 5 9 4 4

Tình hình tài chính hợp nhất và hoạt động kinh doanh hợp nhất

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 59).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | |
|---------------------|----------------------------|--|
| Ông Phan Ngọc Ân | Chủ tịch Hội đồng quản trị | Bổ nhiệm ngày 02/03/2021 |
| Bà Bùi Hương Giang | Chủ tịch Hội đồng quản trị | Bổ nhiệm ngày 21/7/2020 và Miễn nhiệm ngày 02/3/2021 |
| | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 21/7/2020 |
| Bà Đỗ Thị Thùy Dung | Chủ tịch Hội đồng quản trị | Miễn nhiệm ngày 21/7/2020 |
| Ông Bùi Quang Huy | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 02/03/2021 |
| Ông Lê Xuân Thọ | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 02/03/2021 |
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 04/7/2017 |
| Bà Vũ Thị Thùy Dung | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 02/3/2021 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | |
|-----------------------|------------|-------------------------|
| Ông Nguyễn Thanh Hải | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 02/3/2021 |
| Bà Dương Thị Hồng Tân | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 02/3/2021 |
| Ông Nguyễn Quốc Văn | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 02/3/2021 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | |
|---------------------|-------------------|---------------------------|
| Bà Bùi Hương Giang | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 21/7/2020 |
| Ông Phan Ngọc Ân | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 21/7/2020 |
| Bà Đỗ Thị Thùy Dung | Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 21/7/2020 |
| Ông Nguyễn Bá Vinh | Phó Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 21/7/2020 |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

~~Thay mặt Ban Tổng Giám đốc~~



Bùi Hương Giang

Số : 1112.01.03/2020/BCTC- NVT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam, được lập ngày 30 tháng 03 năm 2021 từ trang 07 đến trang 59, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ Sở Chính:

Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 21 ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2019 do chúng tôi thực hiện kiểm toán. Chúng tôi đã phát hành Báo cáo kiểm toán số 1712.02/2019/BCTC-NVT2 ngày 30 tháng 3 năm 2020 có dạng ý kiến chấp nhận toàn phần. Năm 2020, Công ty thực hiện phân loại lại một số chỉ tiêu số liệu so sánh trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Xem thuyết minh số VIII.5)

Vấn đề này không ảnh hưởng đến ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phụ Long Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNKT số: 1690-2018-124-1

Kiểm toán viên

Phạm Văn Tuấn

GCNĐKHNKT số: 4497-2018-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 4.665.386.022.190 | 6.036.290.815.466 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 68.075.924.740 | 29.482.879.719 |
| 1. Tiền | 111 | | 67.525.924.740 | 29.482.879.719 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 550.000.000 | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 17.000.000.000 | 11.130.000.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2a | 17.000.000.000 | 11.130.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 3.583.378.328.039 | 5.088.527.426.607 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 3.518.691.350.382 | 5.071.731.428.383 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 13.949.144.029 | 13.657.630.371 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.5a | 4.380.000.000 | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.6a | 46.271.175.626 | 3.051.709.736 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | - | - |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | 86.658.002 | 86.658.117 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 989.390.585.293 | 906.937.193.285 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 989.390.585.293 | 906.937.193.285 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 7.541.184.118 | 213.315.855 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a | 4.083.045.676 | 125.086.541 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 3.404.383.257 | 88.229.314 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.15 | 53.755.185 | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 580.446.573.650 | 301.439.541.719 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 91.985.367.223 | 84.969.400.000 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | V.5b | 21.275.967.223 | 17.000.000.000 |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.6b | 70.709.400.000 | 67.969.400.000 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 213.768.283.403 | 45.054.464.627 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.10 | 213.429.428.963 | 44.633.619.507 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 255.764.754.986 | 52.956.736.860 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (42.335.326.023) | (8.323.117.353) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.11 | 338.854.440 | 420.845.120 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 691.676.000 | 622.750.000 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (352.821.560) | (201.904.880) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | V.12 | 15.175.990.712 | 15.175.990.712 |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | 15.175.990.712 | 15.175.990.712 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 117.655.343.850 | 111.473.100.000 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.13 | 117.655.343.850 | 111.473.100.000 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.2b | 34.624.187.416 | 14.983.824.894 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 34.624.187.416 | 14.983.824.894 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 107.237.401.046 | 29.782.761.486 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8b | 103.394.262.081 | 29.782.761.486 |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | V.9 | 3.843.138.965 | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 5.245.832.595.840 | 6.337.730.357.185 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 4.680.244.176.971 | 6.217.968.736.522 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 4.615.926.176.012 | 5.966.522.553.367 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.14a | 4.529.370.317.713 | 4.104.526.041.161 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.15 | 48.988.880.825 | 272.205.103 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.16 | 11.632.695.526 | 12.133.509.636 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 1.504.428.392 | 995.131.249 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.17 | 1.631.818.604 | 4.105.650.887 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.18 | 12.587.394.952 | 167.146.142 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.19a | 10.210.640.000 | 1.844.322.869.189 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | - | - |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 64.318.000.959 | 251.446.183.155 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | V.14b | - | 191.596.183.155 |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.19b | 64.318.000.959 | 59.850.000.000 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

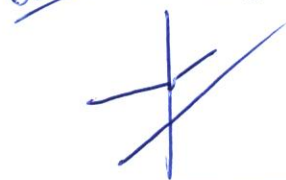
| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 565.588.418.869 | 119.761.620.663 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.20 | 565.588.418.869 | 119.761.620.663 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 500.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 500.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | - | - |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 65.588.418.869 | 19.761.620.663 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 19.761.620.663 | 6.801.415.924 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 45.826.798.206 | 12.960.204.739 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 5.245.832.595.840 | 6.337.730.357.185 |

Người lập biểu



Trần Quốc Đạt

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Thúy



Lập ngày 30 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc

Bùi Hương Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | |
|--|-------|-------------|--------------------|--------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 12.845.638.170.061 | 17.288.066.682.842 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | 32.092.635 | 2.727.304 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 12.845.606.077.426 | 17.288.063.955.538 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 12.650.419.341.158 | 17.092.369.759.761 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 195.186.736.268 | 195.694.195.777 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 4.078.219.283 | 6.607.067.006 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 119.150.779.549 | 180.134.517.498 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 114.976.065.796 | 174.158.583.403 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | - | - |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 1.662.852.857 | 1.274.944.944 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 14.840.343.136 | 7.512.319.491 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 63.610.980.009 | 13.379.480.850 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | VI.8 | 1.015.767.945 | 4.712.202.149 |
| 13. Chi phí khác | 32 | VI.9 | 6.684.971.935 | 1.891.427.076 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | (5.669.203.990) | 2.820.775.073 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 57.941.776.019 | 16.200.255.923 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.10 | 12.114.977.813 | 3.240.051.184 |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 45.826.798.206 | 12.960.204.739 |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | 45.826.798.206 | 12.960.204.739 |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | - | - |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.11 | 2.251 | 1.296 |

Người lập biểu

Trần Quốc Đạt

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Thúy

Lập ngày 30 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Bùi Hương Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Năm 2020 | |
|--|-------------------|--------------------------|--------------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 57.941.776.019 | 16.200.255.923 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | 17.236.642.581 | 6.360.043.322 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | - | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | - | 721.935.013 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | 2.990.330.179 | (6.296.012.242) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 114.976.065.796 | 174.158.583.403 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 193.144.814.575 | 191.144.805.419 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | 1.536.365.310.622 | (2.037.393.497.357) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | (102.093.754.530) | (505.360.617.455) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | 254.539.562.232 | 2.399.906.646.165 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | (47.847.944.463) | 4.446.879.915 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (119.081.716.683) | (170.052.932.516) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (3.722.333.471) | (1.700.353.981) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | 111.473.100.000 | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | - | (111.473.100.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 1.822.777.038.282 | (230.482.169.810) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | (192.000.336.123) | (19.786.329.911) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | 2.466.005.855 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (36.922.000.000) | (106.489.261.118) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 22.396.032.777 | 164.394.725.318 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (74.196.385.934) | (9.066.641.909) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 2.408.987.353 | 9.235.077.048 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (275.847.696.072) | 38.287.569.428 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Năm nay | | Năm trước |
|--|----------------------|----------------------------|------------------------|-----------|
| | | | | |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | 400.000.000.000 | - | |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | - | - | |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | 1.064.051.555.272 | 3.106.491.125.477 | |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (2.972.387.852.461) | (2.890.858.141.389) | |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | - | - | |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | - | - | |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | 40 | (1.508.336.297.189) | 215.632.984.088 | |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | 38.593.045.021 | 23.438.383.706 | |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 V.1 | 29.482.879.719 | 6.044.496.013 | |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | - | - | |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 V.1 | 68.075.924.740 | 29.482.879.719 | |

Người lập biểu

Trần Quốc Đạt

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Thúy

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Người Giám đốc

Bùi Hương Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Chăn nuôi, Thương mại, sản xuất, dịch vụ,
- Ngành nghề kinh doanh** :
Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong năm gồm:
+ Buôn bán hàng nông sản: ngô, lúa mỳ, khô đậu tương...
+ Chăn nuôi hỗn hợp
+ Sản xuất thức ăn chăn nuôi (cám)
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty không quá 12 tháng
- Danh sách các công ty con được hợp nhất Công ty con**

| Tên đơn vị | Địa chỉ | Lĩnh vực kinh doanh chính | Tỷ lệ sở hữu | Tỷ lệ biểu quyết |
|---|---|---------------------------|--------------|------------------|
| Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên | Thôn Kinh tế 2, Xã Eatrol, Huyện Sông Hinh, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam | Chăn nuôi | 100,00% | 100,00% |
| Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc | Thôn Jang Pông, Xã Ea Huar, Huyện Buôn Đôn, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam | Chăn nuôi | 100,00% | 100,00% |
| Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn Nuôi Minh Thành | Tổ 3, Ấp Thạnh Trung, Xã Thạnh Tây, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam | Chăn nuôi | 100,00% | 100,00% |
| Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh | Khu phố 2, Thị trấn Tân Biên, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam | Chăn nuôi | 100,00% | 100,00% |
| Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh | Khu phố 2, Thị trấn Tân Biên, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam | Chăn nuôi | 100,00% | 100,00% |

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Công ty liên doanh không được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

| Tên đơn vị | Địa chỉ | Lĩnh vực kinh doanh | Tỷ lệ sở hữu | Tỷ lệ biểu quyết |
|---|--|---------------------|--------------|------------------|
| Myanmar BAF Joint Venture Company Limited | Plot No. B-1,2,3,4,65,66,67,68, Kwin No. 511-Kha and 519-Ka, Nyaung Napin Tract, Vegetable Production and Chicken Livestock Special Zone-1, Hmawbi Township, Yangon, Myanmar | Chăn nuôi | 21,47% | 21,47% |

Lý do không Hợp nhất: Do Công ty Myanmar BAF Joint Venture Company Limited đang trong giai đoạn đầu tư.

7. Các đơn vị trực thuộc

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|---|---|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam (Chi nhánh hạch toán độc lập) | Thửa đất số 465, tờ bản đồ số 101, khu phố Đông, Phường Vĩnh Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. MST: 0107795944-001 |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Nghệ An (Chi nhánh hạch toán phụ thuộc) | Khu C, KCN Nam Cẩm, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam MST : 0107795944-003 |
| Địa điểm kinh doanh 04 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam (Chi nhánh tạm ngừng hoạt động) | Áp 04 - Xã Hòa Hội - Huyện Xuyên Mộc - Bà Rịa - Vũng Tàu. MST : 0107795944-002 |

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC

Số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2019.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 378 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 252 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính hợp nhất của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các Công ty mẹ và các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo

cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

đồng thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Công ty mẹ phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

3. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm (với khoản đầu tư vào Công ty con).

4. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

6. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa công ty và người mua là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Heo nọc, Heo nái

Bao gồm các chi phí phát sinh liên quan heo nọc, heo nái cho đến khi heo đủ điều kiện phối giống, chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ khi Heo được đưa vào phối giống

Khi heo chết, dịch bệnh toàn bộ chi phí trả trước sẽ được phân bổ vào giá vốn trong năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm

Tiền thuê đất trả trước 1 lần

Là khoản nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất theo các giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất tại các Công ty con hoạt động Trại chăn nuôi heo. Thời gian phân bổ theo thời gian sử dụng đất đã được phê duyệt trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa vật kiến trúc | 03 – 10 |
| Máy móc và thiết bị | 03 – 10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 05 – 08 |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 05 |
| Tài sản cố định khác (Heo) | 04 |

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 05 năm.

Nhãn hiệu, tên thương mại

Nguyên giá của nhãn hiệu là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm nhận diện thương hiệu cơ bản được hoàn thành. Nhãn hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

15. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 21.07.2020/NQ-DHĐCĐ ngày 21/7/2020, Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nm triển khai Phương án phát hành tăng vốn điều lệ từ 100.000.000.000 đồng lên 500.000.000.000 đồng. Trong năm 2020, Công ty đã hoàn thành các thủ tục tăng vốn điều lệ.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố..

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

a) Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

19. Giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Căn cứ điểm 5, điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về thuế TNDN tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ. Công ty là Thuế áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Các hoạt động khác Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tổng công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

24. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 7.478.354.069 | 7.403.925.281 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 60.047.570.671 | 22.078.954.438 |
| Các khoản tương đương tiền | 550.000.000 | - |
| Cộng | <u>68.075.924.740</u> | <u>29.482.879.719</u> |

2. Đầu tư tài chính**a) Đầu tư tài chính ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị ghi sổ</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị ghi sổ</u> |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 17.000.000.000 | 17.000.000.000 | 11.130.000.000 | 11.130.000.000 |
| <i>Ngân hàng TMCP SHB - CN Trung Hòa Nhân Chính (*)</i> | 4.000.000.000 | 4.000.000.000 | - | - |
| <i>Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hồ Chí Minh (**)</i> | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 | - | - |
| <i>Ngân hàng TMCP SHB-PGD Bình Thạnh (***)</i> | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 | - | - |
| <i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển</i> | - | - | 1.800.000.000 | 1.800.000.000 |
| <i>Ngân hàng SHB - CN Hàng Trống</i> | - | - | 9.330.000.000 | 9.330.000.000 |
| Cộng | <u>17.000.000.000</u> | <u>17.000.000.000</u> | <u>11.130.000.000</u> | <u>11.130.000.000</u> |

(*) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn lãi cuối kỳ số 0004/310820/HĐTG/SHB.130102 ngày 31/8/2020. Số tiền gửi 4.000.000.000 VND, thời hạn gửi tiền 3 tháng. Lãi suất tiền gửi 3,5%/năm. Hợp đồng tiền gửi tự động tái tục với kỳ hạn gửi ban đầu.

(**) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 011220/HĐTG.TAL/TPB-BAF ngày 15/12/2020. Số tiền gửi 10.000.000.000 VND, kỳ hạn đầu tiên 12 tháng. Lãi suất tiền gửi 5,75%/năm

(***) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn lãi cuối kỳ số 0007/010920/HĐTG/SHB.130102 ngày 01/9/2020. Số tiền gửi 3.000.000.000 VND, thời hạn gửi tiền 4 tháng. Lãi suất tiền gửi 3,6%/năm. Hợp đồng tiền gửi tự động tái tục với kỳ hạn gửi ban đầu.

b) Đầu tư tài chính dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|------------------------------|-----------------|------------------------------|-----------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Đầu tư vào công ty liên doanh | <u>34.624.187.416</u> | <u>-</u> | <u>14.983.824.894</u> | <u>-</u> |
| Myanmar BAF Joint Venture Company Limited (1) | 34.624.187.416 | - | 14.983.824.894 | - |
| Cộng | <u>34.624.187.416</u> | <u>-</u> | <u>14.983.824.894</u> | <u>-</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(1) Khoản góp vốn liên doanh với Myanmar BAF Feed Farm Food Co., Ltd và Viet Agro Pte Ltd để thành lập công ty liên doanh MYANMAR BAF JOINT VENTURE COMPANY LIMITED. Theo giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài đăng ký điều chỉnh lần thứ 01 số 201800466 ngày 13/8/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam đầu tư ra nước ngoài với số tiền 2.246.800 USD, trong đó: bằng tiền mặt: 466.816,15 USD; bằng giá trị máy móc thiết bị: 179.983,15 USD; và bằng hàng hóa: 1.600.000 USD. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã đầu tư bằng tiền mặt: 466.816,15 USD; bằng giá trị máy móc thiết bị: 179.983,15 USD, bằng hàng hóa: 847.899 USD tương đương 34.624.187.416 VND. Tương ứng với tỷ lệ góp vốn tại ngày 31/12/2020 là 21,47%.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | 3.518.691.350.382 | 5.071.731.428.383 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long | 257.584.809.315 | 920.308.553.971 |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cao Thăng | - | 213.935.613.665 |
| Công ty TNHH Thương Mại Hoàng Giang | 249.531.747.682 | 864.531.866.552 |
| Công ty TNHH Thương mại Nông Lâm Vạn Thành Long | - | 187.027.475.101 |
| Công ty Cổ phần Thăng Hoa | 196.612.812.480 | 813.737.923.305 |
| Công ty TNHH Nông Nghiệp T&T | 141.609.380.000 | - |
| Công Ty Cổ Phần Việt Phi | 184.068.554.050 | - |
| Công ty Cổ phần OTE Group | 579.479.450.400 | - |
| Công ty TNHH Phát Triển Dịch Vụ Thương Mại Bình Tân | 117.651.856.080 | - |
| Công ty Cổ phần Nông sản BenLin | 347.733.597.900 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Hoàn Kiếm | 297.576.647.322 | 604.828.967.049 |
| Công ty TNHH Kinh doanh Lương thực Thực phẩm Ngọc Hồi | 179.799.452.686 | 590.599.452.686 |
| Công ty TNHH đầu tư kinh doanh Nhật Tân | 196.136.780.540 | 302.293.078.500 |
| Công ty cổ phần Nông Sản BIVC Quốc Tế | 44.975.327.100 | 74.958.455.000 |
| Công ty Cổ phần Càng Rau quả | 191.975.378.000 | 85.968.876.180 |
| Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Rau quả I | 321.471.759.020 | 337.313.961.040 |
| Các khách hàng khác | 212.483.797.807 | 76.227.205.334 |
| Cộng | <u>3.518.691.350.382</u> | <u>5.071.731.428.383</u> |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| <i>Trả trước cho người bán khác</i> | 13.949.144.029 | 13.657.630.371 |
| Công ty TNHH TMDV cơ khí ô tô Liên Tựu | 2.295.811.000 | - |
| Công ty TNHH TMDV Thái Sơn Thư | - | 2.619.000.000 |
| Công ty Cổ Phần HUM | - | 9.052.264.593 |
| Các nhà cung cấp khác | 11.653.333.029 | 1.986.365.778 |
| Cộng | <u>13.949.144.029</u> | <u>13.657.630.371</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Phải thu về cho vay****a. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|----------------------|----------|------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | 4.380.000.000 | - | - | - |
| Công ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1 (1) | 1.440.000.000 | - | - | - |
| Công ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 2 (2) | 1.140.000.000 | - | - | - |
| Công ty TNHH Chăn Nuôi Nam An Khánh (3) | 1.800.000.000 | - | - | - |
| Cộng | 4.380.000.000 | - | - | - |

(1): Khoản cho vay Công ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1 theo hợp đồng vay ngày 31/12/2020. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay: 0%. Mục đích vay: Ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư xây dựng trang trại nuôi heo mô hình trại lạnh khép kín theo Quyết định chủ trương đầu tư số: 1580/QĐ-UBND tỉnh Tây Ninh ngày 24/07/2020.

(2): Khoản cho vay Công ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 2 theo hợp đồng vay ngày 31/12/2020. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay: 0%. Mục đích vay: Ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư xây dựng trang trại nuôi heo mô hình trại lạnh khép kín theo Quyết định chủ trương đầu tư số: 1581/QĐ-UBND tỉnh Tây Ninh ngày 24/07/2020.

(3): Khoản cho vay Công ty TNHH Chăn Nuôi Nam An Khánh theo hợp đồng vay ngày 31/12/2020. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay: 0%. Mục đích vay: Ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư xây dựng trang trại nuôi heo mô hình trại lạnh khép kín theo Quyết định chủ trương đầu tư số: 2839/QĐ-UBND tỉnh Tây Ninh ngày 19/11/2020.

b. Phải thu về cho vay dài hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Công ty TNHH Đầu Tư Lê Hà (1) | 5.572.002.164 | - | 7.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH Chăn Nuôi Phú Thịnh (2) | 1.428.965.059 | - | 2.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thái Sơn Thụ (3) | 4.000.000.000 | - | 4.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương Mại Kim Hội (4) | 4.000.000.000 | - | 4.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH Chăn nuôi Bình Sơn (5) | 5.000.000.000 | - | - | - |
| Công ty TNHH chăn nuôi Công Minh Hòa Hội (6) | 1.275.000.000 | - | - | - |
| Cộng | 21.275.967.223 | - | 17.000.000.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(1) Là khoản cho Công ty TNHH Đầu tư Lê Hà vay theo các hợp đồng sau:

+ Phụ lục PL02/2019/BAF-LH ký ngày 04/01/2019 kèm theo hợp đồng cho thuê tài sản số 0401.2019/BAF-LH ngày 04/01/2019 giữa Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam và Công ty TNHH Đầu tư Lê Hà. Số tiền cho vay 6.000.000.000 VND. Thời hạn trả gốc và lãi tương ứng 12 quý (từ quý 4/2019 đến quý 3/2022). Lãi suất cho vay: 10,8 %/năm (tính lãi sẽ tính cố định theo tháng là 0,9%/ tháng). Mục đích vay: Hoàn thiện trang trại để bàn giao đưa vào hoạt động. Phương thức trả nợ gốc và lãi vay: Cấn trừ vào tiền thuê trại mà bên BAF phải thanh toán cho bên Lê Hà hàng quý (trừ vào lãi trước và gốc sau).

+ Phụ lục số 03 ký ngày 25/09/2019 kèm theo hợp đồng cho thuê tài sản số 0401.2019/BAF-LH ngày 04/01/2019 giữa Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam và Công ty TNHH Đầu tư Lê Hà; số tiền vay là 1.000.000.000 VND, thời hạn vay 4 năm từ quý 4 năm 2019 đến quý 4 năm 2023. Lãi suất 1.08 %/tháng (lãi suất cố định trong suốt thời gian vay). Mục đích vay: Nhằm lắp đặt hệ thống xử lý nước sạch cho heo uống và sử dụng sinh hoạt cho toàn trang trại cho thuê. Phương thức trả nợ gốc và lãi vay: Cấn trừ vào tiền thuê trại mà bên BAF phải thanh toán cho bên Lê Hà hàng quý.

(2) Là khoản cho Công ty TNHH Chăn nuôi Phú Thịnh vay theo phụ lục VI ký ngày 24/07/2018 kèm theo hợp đồng số 26/01/BAF-PT2 ngày 26/01/2018 giữa Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam và Công ty TNHH Chăn nuôi Phú Thịnh; số tiền 2.000.000.000 VND. Thời hạn khoản vay là 36 tháng. Lãi suất 10,8 %/năm (lãi suất cố định trong suốt thời gian vay). Mục đích vay: Đầu tư xây dựng, lắp đặt bổ sung một số hạng mục của trang trại. Phương thức trả nợ gốc và lãi vay: Cấn trừ vào tiền thuê trại mà bên BAF phải thanh toán cho bên Phú Thịnh hàng quý.

(3) Là khoản cho Công ty TNHH TMDV Thái Sơn Thụ vay theo hợp đồng vay số 01.07.2020 ngày 01/07/2020, thời hạn vay: 2 năm, lãi suất 8%/năm, mục đích vay: Hỗ trợ hoàn thiện trang trại 2.100 heo nái tại địa chỉ ấp Lễ Trang, xã Vĩnh Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

(4) Là khoản cho Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Chăn nuôi Kim Hợi vay theo phụ lục V ký ngày 26/04/2019 kèm theo hợp đồng số 01-180419/BAF-KH ngày 18/04/2019 giữa công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam và Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Chăn nuôi Kim Hợi; số tiền 4.000.000.000 VND, thời hạn khoản vay 47 tháng bắt đầu từ tháng 5/2019 đến tháng 3/2023. Lãi suất 10,8 %/năm (tính lãi sẽ tính cố định theo tháng là 0,9%/tháng). Mục đích vay: Hoàn thiện trang trại và đưa vào sử dụng. Phương thức trả nợ gốc và lãi vay: Cấn trừ vào tiền thuê trại mà bên BAF phải thanh toán cho bên Kim Hợi hàng quý, tính từ Quý 1 năm 2021.

(5): Khoản cho vay Công ty TNHH Chăn nuôi Bình Sơn theo hợp đồng vay ngày 01/07/2020. Thời hạn vay 30 tháng tính từ ngày 20/09/2020, lãi suất vay: 0%. Mục đích vay: Xây dựng công trình, lắp đặt các thiết bị và xây dựng 01 bể chứa nước sạch 500m³ cho trang trại.

(6): Khoản cho vay Công ty TNHH chăn nuôi Công Minh Hòa Hội theo hợp đồng vay ngày 26/03/2020. Thời hạn vay 5 năm, lãi suất vay: 8,5%. Mục đích vay: Xây dựng hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn tại trang trại.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Phải thu khác****a) Ngắn hạn**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | 19.255.131.513 | - | - | - |
| Tạm ứng thành viên Ban lãnh đạo (*) | 19.255.131.513 | - | - | - |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | 27.016.044.113 | - | 3.051.709.736 | - |
| Tiền lãi cho vay | 1.841.945.205 | - | 2.058.351.657 | - |
| Tạm ứng | 1.559.995.426 | - | 390.897.070 | - |
| Đặt cọc thuê trại | - | - | 240.000.000 | - |
| Đặt cọc khác | 2.600.000 | - | 12.300.000 | - |
| Ký quỹ, ký cược | 26.760.000 | - | - | - |
| Đặt cọc tiền chuyển nhượng vốn góp của Ông Phạm Hùng Thắng tại Công ty TNHH Chăn Nuôi Nam An Khánh | 4.000.000.000 | - | - | - |
| Đặt cọc tiền chuyển nhượng vốn góp của Ông Phạm Hùng Thắng tại Công ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1 | 6.000.000.000 | - | - | - |
| Đặt cọc tiền chuyển nhượng vốn góp của Ông Phạm Hùng Thắng tại Công ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 2 | 4.500.000.000 | - | - | - |
| Phải thu GENESUS, INC do heo chết Nhập khẩu | 5.601.293.725 | - | - | - |
| Phải thu AG WORLD INTERNATIONAL CORP do heo chết nhập khẩu | 2.922.349.559 | - | - | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 561.100.198 | - | 350.161.009 | - |
| Cộng | 46.271.175.626 | - | 3.051.709.736 | - |

(*) Khoản tạm ứng cho ông Nguyễn Đức Thắng – Giám đốc dự án để đàm phán và nhận chuyển nhượng vốn góp từ các thành viên góp vốn tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Phú Sơn. Số tiền tạm ứng là 19.255.131.513 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**b) Dài hạn**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Đặt cọc tiền thuê trại | 62.970.000.000 | | 64.950.000.000 | - |
| <i>Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Thái Sơn Thụ (1)</i> | - | - | 7.620.000.000 | - |
| <i>Công ty TNHH Chăn Nuôi Phú Thịnh (2)</i> | 11.280.000.000 | - | 11.280.000.000 | - |
| <i>Công ty TNHH Chăn nuôi Công Minh Hòa Hội (3)</i> | 13.440.000.000 | - | 13.440.000.000 | - |
| <i>Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương Mại Kim Hợi (4)</i> | 11.280.000.000 | - | 11.280.000.000 | - |
| <i>Công ty TNHH Đầu Tư Lê Hà (5)</i> | 9.000.000.000 | - | 9.000.000.000 | - |
| <i>Công ty TNHH Chăn nuôi Bình Sơn (6)</i> | 8.640.000.000 | - | 3.000.000.000 | - |
| <i>Bà Mai Thị Thuớc (7)</i> | 6.030.000.000 | - | 6.030.000.000 | - |
| <i>Ông Hoàng Việt Hùng</i> | - | - | 3.300.000.000 | - |
| <i>Bà Trần Thị Thu Hương (8)</i> | 3.300.000.000 | - | - | - |
| Ký cược, ký quỹ (9) | 4.200.000.000 | - | - | - |
| Phải thu khác | 3.539.400.000 | - | 2.959.400.000 | - |
| Cộng | 70.709.400.000 | - | 67.969.400.000 | - |

(1) Là khoản đặt cọc thuê trang trại chăn nuôi heo theo các Hợp đồng thuê tài sản sau:

+Hợp đồng số 0102/2018/HĐCTTS ngày 01/02/2018. Thời gian thuê trại từ 01/02/2018 đến 01/07/2030, đặt cọc số tiền 1.620.000.000 VND tương đương 12 tháng thuê trại.

+Hợp đồng số 01/2017/HĐCTTS ngày 01/07/2017. Thời gian thuê từ 1/7/2017 đến 1/7/2030, đặt cọc số tiền 6.000.000.000 VND tương đương 12 tháng thuê trại.

Trong năm 2020, Công ty đã thu hồi khoản đặt cọc này do Trang trại chăn nuôi heo của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Thái Sơn Thụ không đảm bảo tiêu chuẩn theo thỏa thuận đã ký kết giữa hai bên.

(2) Là khoản đặt cọc thuê trang trại chăn nuôi heo theo hợp đồng thuê tài sản số 26/01/BAF-PT2 ngày 26/1/2018. Thời gian thuê trại là 15 năm kể từ ngày bàn giao, đặt cọc số tiền 11.280.000.000 VND tương đương 12 tháng thuê trại.

(3) Là khoản đặt cọc thuê trang trại chăn nuôi heo theo hợp đồng thuê tài sản số 2017/CM-BAF ngày 10/2017. Thời gian thuê trại là 15 năm kể từ ngày bàn giao, đặt cọc số tiền 13.440.000.000 VND tương đương 12 tháng thuê trại.

(4) Là khoản đặt cọc thuê trang trại chăn nuôi heo theo các Hợp đồng thuê tài sản sau:

+Hợp đồng số 01-180419/BAF-KH ngày 18/04/2019. Thời gian thuê trại 15 năm, đặt cọc số tiền 6.600.000.000 VND.

+Hợp đồng số 02-180419/BAF-KH ngày 18/04/2019. Thời gian thuê trại 15 năm, đặt cọc số tiền 4.680.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(5) Là khoản đặt cọc thuê trang trại chăn nuôi heo theo hợp đồng thuê tài sản số 0401.2019/BAF-LH ngày 04/1/2019. Thời gian thuê trại là 15 năm kể từ ngày bàn giao, đặt cọc số tiền 9.000.000.000 VND tương đương 12 tháng thuê trại.

(6) Là khoản đặt cọc thuê trang trại chăn nuôi heo theo hợp đồng thuê trại chăn nuôi số 04/10/CNBS/BAFVN-2019 ngày 04/10/2019. Thời gian thuê trại là 15 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng, đặt cọc số tiền 8.640.000.000 VND.

(7) Là khoản đặt cọc thuê trang trại chăn nuôi heo theo các Hợp đồng thuê tài sản sau:

+Hợp đồng số 01.02/2018HĐCTTS ngày 08/02/2018. Thời gian thuê trại 10 năm kể từ ngày bàn giao, đặt cọc số tiền 2.730.000.000 VND tương đương 6 tháng thuê trại.

+Hợp đồng số 02.07/2017/HĐCTTS ngày 21/06/2017. Thời gian thuê trại 10 năm kể từ ngày 01/09/2017 đến 01/09/2027, đặt cọc số tiền 3.300.000.000 VND tương đương 6 tháng thuê trại.

(8) Là khoản đặt cọc thuê trang trại chăn nuôi heo theo hợp đồng thuê tài sản số 18/5/2019/HĐKT-TH- BAF ngày 18/05/2019. Thời gian thuê trại là 13 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng, đặt cọc số tiền 3.300.000.000 VND tương đương 6 tháng thuê trại.

(9) Bao gồm 2 khoản ký quỹ thực hiện dự án:

+ Khoản ký quỹ của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh tại Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh Tây Ninh bảo đảm thực hiện dự án đầu tư đối với dự án “Xây dựng trang trại nuôi heo theo mô hình trang trại lạnh khép kín” theo quyết định số 2656/QĐ- UBND ngày 29/10/2020 của UBND tỉnh. Số tiền ký quỹ là 2.400.000.000 VND

+ Khoản ký quỹ của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh tại Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh Tây Ninh bảo đảm thực hiện dự án đầu tư đối với dự án “Xây dựng trang trại nuôi heo theo mô hình trang trại lạnh khép kín” theo quyết định số 2654/QĐ- UBND ngày 29/10/2020 của UBND tỉnh. Số tiền ký quỹ là 1.800.000.000 VND.

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-------------------------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 21.359.097.626 | - | 16.962.385.340 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 132.366.416 | - | 188.245.000 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 117.003.766.096 | - | 191.467.965.539 | - |
| Thành phẩm | 2.488.425.803 | - | 3.626.055.571 | - |
| Hàng hóa | 848.406.929.352 | - | 694.692.541.835 | - |
| Cộng | 989.390.585.293 | - | 906.937.193.285 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước****a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Là chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ.

b. Chi phí trả trước dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| Công cụ dụng cụ | 5.635.664.452 | 6.040.171.012 |
| Heo nái, heo nọc | 66.854.629.052 | 23.742.590.474 |
| Tiền thuê đất trả trước 1 lần (*) | 30.843.968.577 | - |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 60.000.000 | - |
| Cộng | <u>103.394.262.081</u> | <u>29.782.761.486</u> |

(*) Là khoản nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất theo các giấy chứng nhận sau:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD241080 của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn nuôi Minh Thành ngày 14/11/2016 của thửa đất số 601, Tờ bản đồ số 18, Ấp Hòa Đông A, Xã Hòa Hiệp, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh; diện tích 83.613,2 m²; mục đích là đất phi nông nghiệp; thời hạn sử dụng đến ngày 31/07/2064.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE979084 của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn nuôi Minh Thành ngày 14/08/2017 của thửa đất số 1434, Tờ bản đồ số 5, Xã Thạnh Tây, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh; diện tích 935,75 m²; mục đích là đất phi nông nghiệp; thời hạn sử dụng đến ngày 17/07/2067.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU572352 của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh ngày 02/12/2020 của thửa đất số 13, tờ bản đồ số 111; tại Ấp 4, xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; diện tích 65.975,6 m²; mục đích là đất nông nghiệp; thời hạn sử dụng đến ngày 31/10/2053.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU572353 của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh ngày 02/12/2020 của thửa đất số 22, tờ bản đồ số 111; tại Ấp 4, xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; diện tích 84.024,4 m²; mục đích là đất nông nghiệp; thời hạn sử dụng đến ngày 31/10/2053.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV879808 của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh ngày 02/12/2020 của thửa đất số 1, tờ bản đồ số 36; tại Ấp 4, xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; diện tích 149.252,3 m²; mục đích là đất nông nghiệp; thời hạn sử dụng đến ngày 30/04/2059.

9. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

| | <u>Năm nay</u> |
|--|-----------------------------|
| Số đầu năm | - |
| Lợi thế thương mại phát sinh trong năm | 3.960.963.896 |
| Phân bổ lợi thế thương mại vào chi phí | (117.824.931) |
| Cộng | <u>3.843.138.965</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng |
|--|---------------------------|------------------------|------------------------------------|------------------------------|-------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 18.822.761.072 | 23.821.476.888 | 9.814.877.000 | 497.621.900 | - | 52.956.736.860 |
| Tăng TSCĐ từ Xây dựng cơ bản | 2.339.909.091 | 3.657.600.000 | - | - | - | 5.997.509.091 |
| Mua sắm mới trong năm | 1.119.329.828 | 14.038.669.498 | 4.027.566.634 | 1.042.208.547 | - | 20.227.774.507 |
| Tăng trong năm do chuyển Heo thành TSCĐ từ Xây dựng cơ bản | - | - | - | - | 54.166.680.383 | 54.166.680.383 |
| Tăng trong năm do chuyển Heo thành TSCĐ từ Chi phí trả trước | - | (3.147.329.196) | (1.101.800.000) | - | 904.231.089 | 904.231.089 |
| Giảm do thanh lý | - | - | - | - | (4.249.129.196) | (4.249.129.196) |
| Giảm do heo chết | - | - | - | - | (6.588.259.704) | (6.588.259.704) |
| Tăng trong năm do Hợp nhất | 122.138.634.921 | 5.882.621.777 | 1.419.981.818 | 445.796.300 | 2.462.177.140 | 132.349.211.956 |
| Số cuối năm | 144.420.634.912 | 44.253.038.967 | 14.160.625.452 | 1.985.626.747 | 50.944.828.908 | 255.764.754.986 |
| <i>Tài sản hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng</i> | - | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 2.497.602.382 | 3.818.974.511 | 1.922.816.673 | 83.723.787 | - | 8.323.117.353 |
| Khấu hao trong năm | 5.261.330.336 | 3.912.809.926 | 1.866.543.550 | 254.430.870 | 5.790.611.219 | 17.085.725.901 |
| Giảm do thanh lý chuồng trại | - | (772.232.432) | - | - | - | (772.232.432) |
| Giảm do heo chết | - | - | - | - | (631.193.962) | (631.193.962) |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (577.133.348) | - | - | (577.133.348) |
| Tăng trong năm do Hợp nhất | 16.759.117.268 | 1.281.701.510 | 728.648.508 | 106.798.012 | 30.777.213 | 18.907.042.511 |
| Số cuối năm | 24.518.049.986 | 8.241.253.515 | 3.940.875.383 | 444.952.669 | 5.190.194.470 | 42.335.326.023 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 16.325.158.690 | 20.002.502.377 | 7.892.060.327 | 413.898.113 | - | 44.633.619.507 |
| Số cuối năm | 119.902.584.926 | 36.011.785.452 | 10.219.750.069 | 1.540.674.078 | 45.754.634.438 | 213.429.428.963 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 134.278.230.138 VND và 112.565.658.532 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tiền Giang và Ngân hàng TMCP Á Châu.

11. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

| | Nhãn hiệu, tên thương mại | Chương trình phần mềm | Cộng |
|------------------------|------------------------------|--------------------------|--------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 33.000.000 | 589.750.000 | 622.750.000 |
| Tăng trong năm | - | 68.926.000 | 68.926.000 |
| Số cuối năm | 33.000.000 | 658.676.000 | 691.676.000 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 16.683.339 | 185.221.541 | 201.904.880 |
| Khấu hao trong năm | 11.000.004 | 139.916.676 | 150.916.680 |
| Số cuối năm | 27.683.343 | 325.138.217 | 352.821.560 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 16.316.661 | 404.528.459 | 420.845.120 |
| Số cuối năm | 5.316.657 | 333.537.783 | 338.854.440 |

12. Tăng giảm bất động sản đầu tư

| | Nguyên giá | Giá trị hao mòn | Giá trị còn lại |
|--------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 15.175.990.712 | - | 15.175.990.712 |
| Tăng trong năm | - | - | - |
| Số cuối năm | 15.175.990.712 | - | 15.175.990.712 |

Bất động sản đầu tư của Công ty gồm:

+ Căn hộ chung cư số 1407, diện tích 172,2 m² tại Khu D, khu phức hợp Mandarin Garden, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 333969 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà nội cấp ngày 14/11/2017, nguyên giá là 1.065.760.712 VND.

+ Bất động sản đầu tư là sản văn phòng ô số 4, tầng 12A, diện tích 389.7 m² tại địa chỉ số 48 Đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 505014 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà nội cấp ngày 07/02/2020, nguyên giá là 14.110.230.000 VND.

Các Bất động sản này Công ty mua với mục đích chờ tăng giá để bán nên không khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Tăng do Hợp nhất | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | Kết chuyển chi phí trả trước dài hạn | Giảm khác | Số cuối năm |
|---|------------------------|----------------------|-----------------------------|-------------------------------|--------------------------------------|--------------------------|-----------------------|
| Mua sắm tài sản cố định | 111.473.100.000 | - | 189.851.368.427 | (54.235.606.383) | (39.073.474.246) | (111.473.100.000) | 96.542.287.798 |
| Heo nái | - | - | 99.782.442.427 | (54.166.680.383) | (39.073.474.246) | - | 6.542.287.798 |
| Phần mềm quản lý Heo | - | - | 68.926.000 | (68.926.000) | - | - | - |
| Khu đất tại Vân Đồn, Quảng Ninh | 111.473.100.000 | - | - | - | - | (111.473.100.000) | - |
| Khu đất 136 B Mai Chí Thọ, Khu phố 3, Phường An Phú, Quận 2 thành phố Hồ Chí Minh | - | - | 90.000.000.000 | - | - | - | 90.000.000.000 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | - | 5.333.336.363 | 20.994.667.435 | (5.997.509.091) | - | - | 20.330.494.707 |
| Hệ thống Silo và đường tải cám | - | - | 5.698.963.760 | - | - | - | 5.698.963.760 |
| Hệ thống Silo và đường tải cám Trại BP1 | - | - | 2.134.178.000 | - | - | - | 2.134.178.000 |
| Hệ thống Silo và đường tải cám Trại BP2 | - | - | 827.085.400 | - | - | - | 827.085.400 |
| Hệ thống Silo và đường tải cám Trại VT | - | - | 1.571.998.360 | - | - | - | 1.571.998.360 |
| Hệ thống Silo và đường tải cám Trại BT | - | - | 1.165.702.000 | - | - | - | 1.165.702.000 |
| Hệ thống trộn Premix và khung thép kho bao | - | - | 990.000.000 | - | - | - | 990.000.000 |
| Công trình An toàn sinh học | - | - | 3.660.499.841 | (3.657.600.000) | - | - | 2.899.841 |
| Công trình An toàn sinh học trại BP1 | - | - | 853.500.000 | (853.500.000) | - | - | - |
| Công trình An toàn sinh học trại BP2 | - | - | 1.583.999.841 | (1.581.100.000) | - | - | 2.899.841 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Số đầu năm | Tăng do Hợp nhất | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | Kết chuyển chi phí trả trước dài hạn | Giảm khác | Số cuối năm |
|--|------------|------------------|-----------------------------|-------------------------------|--------------------------------------|-----------|---------------|
| Công trình An toàn sinh học trại VT1 | - | - | 1.223.000.000 | (1.223.000.000) | - | - | - |
| Hệ thống chống sét lan truyền | - | - | 1.552.188.375 | - | - | - | 1.552.188.375 |
| Lắp đặt hệ thống chống sét lan truyền trại DLI | - | - | 170.437.778 | - | - | - | 170.437.778 |
| Lắp đặt hệ thống chống sét lan truyền trại BD3 | - | - | 245.650.075 | - | - | - | 245.650.075 |
| Lắp đặt hệ thống chống sét lan truyền trại BP1 | - | - | 122.810.100 | - | - | - | 122.810.100 |
| Lắp đặt hệ thống chống sét lan truyền trại BP2 | - | - | 159.418.870 | - | - | - | 159.418.870 |
| Lắp đặt hệ thống chống sét lan truyền trại BT1 | - | - | 233.695.407 | - | - | - | 233.695.407 |
| Lắp đặt hệ thống chống sét lan truyền trại BT2 | - | - | 198.638.589 | - | - | - | 198.638.589 |
| Lắp đặt hệ thống chống sét lan truyền trại VT1 | - | - | 261.363.784 | - | - | - | 261.363.784 |
| Lắp đặt hệ thống chống sét lan truyền trại BD2 | - | - | 160.173.772 | - | - | - | 160.173.772 |
| Xây dựng Công trình trại BP2 | - | - | 1.216.720.000 | - | - | - | 1.216.720.000 |
| Hệ thống nguồn Silo | - | - | 41.201.000 | - | - | - | 41.201.000 |
| Lắp đặt hệ thống nguồn silo trại VT1 | - | - | 29.707.000 | - | - | - | 29.707.000 |
| Lắp đặt hệ thống nguồn silo trại BP1 | - | - | 11.494.000 | - | - | - | 11.494.000 |
| Thi công hàng rào bảo vệ khu đất Mai Chí Thọ | - | - | 76.010.000 | - | - | - | 76.010.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Số đầu năm | Tăng do Hợp nhất | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào | | Số cuối năm |
|---|------------------------|----------------------|-----------------------------|-------------------------|--------------------------------------|--------------------------|
| | | | | TSCĐ trong năm | Kết chuyển chi phí trả trước dài hạn | |
| Xây dựng cơ bản dở dang tại Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc | - | - | 7.661.175.983 | (2.339.909.091) | - | 5.321.266.892 |
| Hệ thống xử lý nước thải | - | - | 1.022.156.892 | - | - | 1.022.156.892 |
| Hệ thống silo và đường tải cám | - | - | 4.299.110.000 | - | - | 4.299.110.000 |
| Xây dựng hệ thống trang trại lợn | - | - | 2.339.909.091 | (2.339.909.091) | - | - |
| Xây dựng cơ bản dở dang tại Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên | - | 5.333.336.363 | 97.908.476 | - | - | 5.431.244.839 |
| Thị công xây dựng trang trại nuôi heo nái sinh sản Anh Vũ | - | 5.333.336.363 | 97.908.476 | - | - | 5.431.244.839 |
| Sửa chữa lớn TSCĐ | - | - | 782.561.345 | - | - | 782.561.345 |
| Cải tạo Trại VT1 | - | - | 782.561.345 | - | - | 782.561.345 |
| Cộng | 111.473.100.000 | 5.333.336.363 | 211.628.597.207 | (60.233.115.474) | (39.073.474.246) | (111.473.100.000) |
| | | | | | | 117.655.343.850 |

(*) Theo Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất 19 tháng 08 năm 2019 (Số công chứng 4411.2019/HĐCN, quyền số 09 TP/CC-SCC/HĐGD) tại Văn phòng Công chứng Hồng Quang giữa Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam và Ông Hoàng Minh Khanh, Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH792416, số vào sổ cấp GCN: CH00567 do UBND huyện Vân Đồn, Quảng Ninh cấp ngày 14/07/2017 đứng tên Ông Hoàng Minh Khanh, giá trị chuyển nhượng là 111.473.100.000 VND. Đến năm 2020, do không thực hiện được các thủ tục sang tên Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất, Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam và Ông Hoàng Minh Khanh đã hủy bỏ Hợp đồng Chuyển nhượng quyền sử dụng đất này. Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam đã thu hồi lại số tiền nêu trên.

(**) Theo Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và Mua bán nhà ở số 005116 ngày 21 tháng 10 năm 2020 (Số công chứng 005116.2020/MBCN, quyền số 10.TP/CC-SCC/HĐGD) tại Văn phòng Công chứng Thủ Thiêm giữa Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam và Vợ chồng Ông Nguyễn Văn Hai và Bà Trần Thị Em, Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam đã mua Khu đất tại địa chỉ 136 B, đường Mai Chí Thọ, Khu phố 3, phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 933,8 m². Giá chuyển nhượng mua bán là 103.000.000.000 VND. Đến ngày 04 tháng 01 năm 2021, Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam đã hoàn tất các thủ tục sang tên Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Phải trả người bán****a) Phải trả người bán ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------------|--------------------------|
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | 4.529.370.317.713 | 4.104.526.041.161 |
| Công ty Cổ phần CBOT Việt Nam | 193.033.011.407 | 442.418.518.572 |
| Công ty Cổ phần Logistics Hong Kong | 37.445.568.672 | 824.261.093.320 |
| Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu rau quả | - | 205.429.490.540 |
| Công ty Cổ phần CHIPSGOOD - VEGETEXCO | 460.485.273.851 | 523.665.447.752 |
| Công ty Cổ phần kinh doanh thương mại Thịnh Phát | 410.855.568.430 | - |
| Công ty Cổ Phần XNK Thủ Công Mỹ Nghệ | 505.977.716.870 | - |
| Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh và phát triển thương mại Minh Đức | 204.953.134.880 | - |
| Công ty Cổ phần Nông sản Caivi Việt Nam | 265.227.041.600 | - |
| Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp An Điền | 191.970.337.500 | - |
| Công ty Cổ phần Otran Logistics | 495.213.428.400 | - |
| Công ty Cổ phần Gạo Vi Dân | 111.808.684.100 | - |
| Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Sơn Hưng | 194.641.918.800 | - |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Tân Mai | 149.271.439.260 | - |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Bao Bì và Xuất nhập Khẩu Hà Nội | 136.979.006.320 | - |
| Tổng Công ty Rau quả, nông sản - Công ty Cổ phần | 301.114.071.950 | 36.281.531.572 |
| Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp - Công ty Cổ phần | 58.412.641.200 | 540.874.493.899 |
| Công ty Cổ phần Nông sản Bờ biển Ngà | 468.332.271.977 | 428.350.120.770 |
| Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp I Hải Phòng | - | 289.978.983.120 |
| Công ty TNHH xuất nhập khẩu nông lâm sản Thái Nguyên | 235.818.351.500 | 468.882.027.270 |
| Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh | - | 261.012.318.640 |
| Các nhà cung cấp khác | 107.830.850.996 | 83.372.015.706 |
| Cộng | 4.529.370.317.713 | 4.104.526.041.161 |

b) Phải trả người bán dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------|--------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần CBOT Việt Nam | - | 191.596.183.155 |
| Cộng | - | 191.596.183.155 |

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|--------------------|
| <i>Trả trước của các khách hàng khác</i> | 48.988.880.825 | 272.205.103 |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cao Thăng | 48.323.346.825 | - |
| Các khách hàng khác | 665.534.000 | 272.205.103 |
| Cộng | 48.988.880.825 | 272.205.103 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

| | Số đầu năm | | Phát sinh trong năm | | Số cuối năm | |
|--|-----------------------|----------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã nộp | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 2.720.580 | - | 7.957.842 | (64.433.607) | - | 53.755.185 |
| Thuế xuất, nhập khẩu | 8.890.737.872 | - | 2.241.315.374 | (11.132.053.246) | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.240.051.184 | - | 12.114.977.813 | (3.722.333.471) | 11.632.695.526 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | - | 88.002.053 | (88.002.053) | - | - |
| Thuế nhà đất | - | - | 500.000.000 | (500.000.000) | - | - |
| Tiền thuế đất | - | - | 34.733.715 | (34.733.715) | - | - |
| Thuế bảo vệ môi trường | - | - | 83.501.150 | (83.501.150) | - | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | - | 20.709.458 | (20.709.458) | - | - |
| Cộng | 12.133.509.636 | - | 15.091.197.405 | (15.645.766.700) | 11.632.695.526 | 53.755.185 |

Thuế giá trị gia tăng

Đối với hoạt động bán sản phẩm chăn nuôi, trồng trọt qua sơ chế cho doanh nghiệp ở khâu thương mại: Không phải kê khai tính nộp thuế GTGT, đối với các hoạt động khác: 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ điểm 5, điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về thuế TNDN tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ. Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Các hoạt động khác Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí lãi vay phải trả | - | 4.105.650.887 |
| Chi phí khác | 1.631.818.604 | - |
| Cộng | <u>1.631.818.604</u> | <u>4.105.650.887</u> |

18. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|---------------------------|
| Bảo hiểm xã hội | - | 21.704.668 |
| Bảo hiểm y tế | - | 12.379.731 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | - | 8.253.154 |
| Phải trả tiền mua cổ phần Ông Hoàng Văn Định tại Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc | 3.000.000.000 | - |
| Phải trả tiền mua cổ phần Ông Phạm Hùng Thắng tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh. | 4.200.000.000 | - |
| Phải trả tiền mua cổ phần Ông Phạm Hùng Thắng tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh | 5.000.000.000 | - |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 387.394.952 | 124.808.589 |
| Cộng | <u>12.587.394.952</u> | <u>167.146.142</u> |

19. Vay và nợ thuê tài chính**a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|------------------------------|------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Số có khả năng trả nợ</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Số có khả năng trả nợ</u> |
| <i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i> | <i>10.210.640.000</i> | <i>10.210.640.000</i> | <i>1.844.322.869.189</i> | <i>1.844.322.869.189</i> |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | - | - | 1.844.322.869.189 | 1.844.322.869.189 |
| <i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Kinh Đô</i> | <i>-</i> | <i>-</i> | <i>1.844.322.869.189</i> | <i>1.844.322.869.189</i> |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 10.210.640.000 | 10.210.640.000 | - | - |
| <i>Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tiền Giang</i> | <i>2.324.000.000</i> | <i>2.324.000.000</i> | <i>-</i> | <i>-</i> |
| <i>Ngân hàng TMCP Á Châu</i> | <i>7.886.640.000</i> | <i>7.886.640.000</i> | <i>-</i> | <i>-</i> |
| Cộng | <u>10.210.640.000</u> | <u>10.210.640.000</u> | <u>1.844.322.869.189</u> | <u>1.844.322.869.189</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ban thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

| | Số đầu năm | Tăng do Hợp nhất | Số tiền vay phát sinh trong năm | Số tiền vay đã trả trong năm | Số cuối năm | Kết chuyển | |
|---|--------------------------|----------------------|---------------------------------|------------------------------|-----------------------|----------------------------|------------------------------|
| | | | | | | sang vay và nợ ngắn hạn | Số tiền vay đã trả trong năm |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 1.844.322.869.189 | - | 1.062.551.555.272 | (2.906.874.424.461) | - | - | - |
| <i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Kinh Đô</i> | 1.844.322.869.189 | - | 1.062.551.555.272 | (2.906.874.424.461) | - | - | - |
| Vay dài hạn đến hạn trả | - | 5.663.428.000 | - | (5.663.428.000) | 10.210.640.000 | 10.210.640.000 | 10.210.640.000 |
| <i>Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tiền Giang</i> | - | 380.000.000 | - | (380.000.000) | 2.324.000.000 | 2.324.000.000 | 2.324.000.000 |
| <i>Ngân hàng TMCP Á Châu</i> | - | 5.283.428.000 | - | (5.283.428.000) | 7.886.640.000 | 7.886.640.000 | 7.886.640.000 |
| Cộng | 1.844.322.869.189 | 5.663.428.000 | 1.062.551.555.272 | (2.912.537.852.461) | 10.210.640.000 | (2.912.537.852.461) | 10.210.640.000 |

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Là khoản vay dài hạn ông Nguyễn Nghĩa theo hợp đồng vay số 01.18/HĐV/BAF ngày 28/5/2018, giá trị hợp đồng là 60.000.000.000 VND, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 0%/năm. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã tất toán khoản vay này.

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| <i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i> | 64.318.000.959 | 64.318.000.959 | 59.850.000.000 | 59.850.000.000 |
| Vay dài hạn ngân hàng | 64.318.000.959 | 64.318.000.959 | - | - |
| <i>Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tiền Giang (1)</i> | 27.295.220.959 | 27.295.220.959 | - | - |
| <i>Ngân hàng TMCP Á Châu (2)</i> | 37.022.780.000 | 37.022.780.000 | - | - |
| Vay dài hạn các cá nhân | - | - | 59.850.000.000 | 59.850.000.000 |
| <i>Ông Nguyễn Nghĩa (3)</i> | - | - | 59.850.000.000 | 59.850.000.000 |
| Cộng | 64.318.000.959 | 64.318.000.959 | 59.850.000.000 | 59.850.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

| | Số đầu năm | Tăng do Hợp nhất | Số tiền vay phát sinh trong năm | Số tiền vay đã trả trong năm | Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn | Số cuối năm |
|--|-----------------------|-----------------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------------------|-----------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng | - | 73.028.640.959 | 1.500.000.000 | - | (10.210.640.000) | 64.318.000.959 |
| <i>Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh</i> | | | | | | |
| - <i>Chi nhánh Tiền Giang (1)</i> | - | 29.619.220.959 | - | - | (2.324.000.000) | 27.295.220.959 |
| <i>Ngân hàng TMCP Á Châu (2)</i> | - | 43.409.420.000 | 1.500.000.000 | - | (7.886.640.000) | 37.022.780.000 |
| Vay dài hạn các cá nhân | 59.850.000.000 | - | - | (59.850.000.000) | - | - |
| <i>Ông Nguyễn Nghĩa (3)</i> | 59.850.000.000 | - | - | (59.850.000.000) | - | - |
| Cộng | 59.850.000.000 | 73.028.640.959 | 1.500.000.000 | (59.850.000.000) | (10.210.640.000) | 64.318.000.959 |

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tiền Giang của Công ty TNHH Chân nuôi Bảo Ngọc theo hợp đồng sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 37807/19MN/HSTD. Mục đích của khoản vay là Bổ sung vốn/Bù đắp phần Vốn tự có dùng để đầu tư xây dựng chuồng trại chăn nuôi 12.000 heo hậu bị tại Xã Ea Huar, Huyện Buôn Đôn, Tỉnh Đắk Lắk bao gồm: Đầu tư thi công xây dựng và các chi phí khác để đầu tư chuồng trại. Hạn mức cho vay tối đa là 19.951.000.000 VND, thời hạn cho vay là 120 tháng.

+ Hợp đồng tín dụng số 37806/19MN/HSTD. Mục đích của khoản vay là Bổ sung vốn/Bù đắp phần Vốn tự có dùng để đầu tư xây dựng chuồng trại chăn nuôi 12.000 heo hậu bị tại Xã Ea Huar, Huyện Buôn Đôn, Tỉnh Đắk Lắk bao gồm: Đầu tư máy móc thiết bị. Hạn mức cho vay tối đa là 12.409.000.000 VND, thời hạn cho vay là 120 tháng.

Khoản vay của 2 hợp đồng trên được bảo đảm bởi các tài sản sau:

- BDS tọa lạc tại Thửa đất số 1+1+2, tờ bản đồ số 34+47, Xã Ea Huar, Huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk
Thuộc sở hữu của : Công ty TNHH Chân nuôi Bảo Ngọc

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BAO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Tài sản là trang trại chăn nuôi 12.000 heo hậu bị (gồm công trình xây dựng và máy móc thiết bị) hình thành trong tương lai được xây dựng trên thửa đất số 1+1+2, tờ bản đồ số 34+47, Xã Ea Huar, Huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk
Thuộc sở hữu của : Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc
 - (2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu theo các hợp đồng sau:
 - + Hợp đồng cấp tín dụng số HON.DN.547.060917 ngày 08 tháng 9 năm 2017. Mục đích của khoản vay là đầu tư xây dựng chuồng trại chăn nuôi 10.000 heo hậu bị cho thuê. Số tiền cho vay là 5.000.000.000 VNĐ, thời hạn cho vay là 120 tháng.
 - + Hợp đồng cấp tín dụng số HON.DN.143.140217 ngày 14 tháng 2 năm 2017. Mục đích của khoản vay là đầu tư xây dựng chuồng trại chăn nuôi 10.000 heo hậu bị tại Tây Ninh. Số tiền cho vay là 27.000.000.000 VNĐ, thời hạn cho vay là 120 tháng.
 - + Hợp đồng cấp tín dụng số HON.DN.835.190416 ngày 21 tháng 4 năm 2016. Mục đích của khoản vay là đầu tư xây dựng chuồng trại chăn nuôi 2.400 heo nái tại Tây Ninh. Số tiền cho vay là 32.500.000.000 VNĐ, thời hạn cho vay là 120 tháng.
 - + Hợp đồng cấp tín dụng số HON.DN.307.191016 ngày 21 tháng 10 năm 2016. Mục đích của khoản vay là đầu tư xây dựng chuồng trại chăn nuôi 2.400 heo nái tại Tây Ninh. Số tiền cho vay là 3.000.000.000 VNĐ, thời hạn cho vay là 120 tháng.
- Khoản vay của 4 hợp đồng trên được bảo đảm bởi các tài sản sau:
- Bất động sản tại: Thửa đất số 1434, Tờ bản đồ số 5, Xã Thạnh Tây, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh
 - Chủ sở hữu/Chủ sử dụng: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn nuôi Minh Thành
 - Trị giá: 4.345.000.000 đồng
 - Bất động sản tại: Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai là trang trại chăn nuôi 2.400 heo nái sinh sản tại Thửa đất số 1434, Tờ bản đồ số 5, Xã Thạnh Tây, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh.
 - Chủ sở hữu/Chủ sử dụng: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn nuôi Minh Thành
 - Trị giá: 42.739.000.000 đồng
 - Bất động sản tại: Thửa đất số 601, Tờ bản đồ số 18, Ấp Hòa Đông A, Xã Hòa Hiệp, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh.
 - Chủ sở hữu/Chủ sử dụng: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn nuôi Minh Thành
 - Trị giá: 5.355.000.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Bất động sản tại: 47/86A Bùi Đình Túy, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP.HCM.
Chủ sở hữu/Chủ sử dụng: Phạm Hùng Thắng, Trần Thị Diệu Linh
Trị giá: 4.024.000.000 đồng
- Bất động sản tại: Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai là trang trại chăn nuôi 10.000 heo hậu bị tại Thửa đất số 601, Tờ bản đồ số 18, Ấp Hòa Đông A, Xã Hòa Hiệp, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh.
Chủ sở hữu/Chủ sử dụng: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn nuôi Minh Thành
Trị giá: 37.148.000.000 đồng
- Bất động sản tại: 117/3 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Chủ sở hữu/Chủ sử dụng: Phạm Hùng Thắng, Trần Thị Diệu Linh
Trị giá: 3.153.000.000 đồng
- (3) Là khoản vay dài hạn ông Nguyễn Nghĩa theo hợp đồng vay số 01.18/HĐV/BAF ngày 28/5/2018, giá trị hợp đồng là 60.000.000.000 VND, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 0%/năm. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã tất toán khoản vay này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------|-------------------------------|--|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 100.000.000.000 | 6.801.415.924 | 106.801.415.924 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | 12.960.204.739 | 12.960.204.739 |
| Số dư cuối năm trước | 100.000.000.000 | 19.761.620.663 | 119.761.620.663 |
| Số dư đầu năm nay | 100.000.000.000 | 19.761.620.663 | 119.761.620.663 |
| Tăng vốn trong năm nay (*) | 400.000.000.000 | - | 400.000.000.000 |
| Lợi nhuận trong năm | - | 45.826.798.206 | 45.826.798.206 |
| Số dư cuối năm nay | 500.000.000.000 | 65.588.418.869 | 565.588.418.869 |

(*) Tăng vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 21.07.2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/7/2020 về việc triển khai Phương án phát hành tăng vốn điều lệ từ 100.000.000.000 đồng lên 500.000.000.000 đồng

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối năm | Tỷ lệ | Số đầu năm | Tỷ lệ |
|---------------------|------------------------|--------------|------------------------|--------------|
| Bà Bùi Hương Giang | 400.000.000.000 | 80% | 80.000.000.000 | 80% |
| Bà Vũ Thị Thủy Dung | 50.000.000.000 | 10% | 10.000.000.000 | 10% |
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | 50.000.000.000 | 10% | 10.000.000.000 | 10% |
| Cộng | 500.000.000.000 | 100% | 100.000.000.000 | 100% |

c) Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 50.000.000 | 10.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng | 50.000.000 | 10.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 50.000.000 | 10.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 50.000.000 | 10.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 50.000.000 | 10.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|
| Doanh thu bán nông sản | 12.414.899.999.545 | 16.862.744.855.565 |
| Doanh thu hoạt động chăn nuôi | 425.547.414.526 | 425.321.827.277 |
| Doanh thu cho thuê trại nuôi heo | 5.190.755.990 | - |
| Cộng | <u>12.845.638.170.061</u> | <u>17.288.066.682.842</u> |

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------|--------------------------|-------------------------|
| Giảm giá hàng bán | 32.092.635 | 2.727.304 |
| Cộng | <u>32.092.635</u> | <u>2.727.304</u> |

3. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|
| Giá vốn nông sản | 12.288.455.478.292 | 16.659.971.087.943 |
| Giá vốn hoạt động chăn nuôi | 358.854.740.476 | 432.398.671.818 |
| Giá vốn cho thuê trại nuôi heo | 3.109.122.390 | - |
| Cộng | <u>12.650.419.341.158</u> | <u>17.092.369.759.761</u> |

4. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 3.400.493.124 | 6.296.012.242 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 93.622.930 | 261.957.756 |
| Chiết khấu thanh toán | 584.103.229 | 49.097.008 |
| Cộng | <u>4.078.219.283</u> | <u>6.607.067.006</u> |

5. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí lãi vay | 114.976.065.796 | 174.158.583.403 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 4.174.713.753 | 5.253.999.082 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | - | 721.935.013 |
| Cộng | <u>119.150.779.549</u> | <u>180.134.517.498</u> |

6. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 1.316.995.200 | 1.036.199.921 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 11.382.800 | 138.940.823 |
| Các chi phí khác | 334.474.857 | 99.804.200 |
| Cộng | <u>1.662.852.857</u> | <u>1.274.944.944</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 3.546.003.250 | 2.414.398.143 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 184.316.316 | 24.108.323 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 519.597.467 | 390.109.918 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.826.507.955 | 456.962.688 |
| Thuế, phí và lệ phí | 1.472.134.257 | 798.681.671 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.819.849.885 | 2.312.688.543 |
| Các chi phí khác | 3.354.109.075 | 1.115.370.205 |
| Phân bổ lợi thế thương mại | 117.824.931 | - |
| Cộng | <u>14.840.343.136</u> | <u>7.512.319.491</u> |

8. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền phạt vi phạm hợp đồng, bồi thường | 26.897.120 | 4.205.426.173 |
| Thu nhập khác | 988.870.825 | 506.775.976 |
| Cộng | <u>1.015.767.945</u> | <u>4.712.202.149</u> |

9. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Lỗ Thanh lý TSCĐ | 433.757.561 | - |
| Giá trị còn lại Heo nái chết | 5.957.065.742 | - |
| Thuế bị phạt | 4.385.305 | - |
| Thuế GTGT không được khấu trừ | - | 1.879.402.977 |
| Chi phí khác | 289.763.327 | 12.024.099 |
| Cộng | <u>6.684.971.935</u> | <u>1.891.427.076</u> |

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|-----------------------------|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 12.114.977.813 | 3.240.051.184 |
| + Công ty mẹ | 12.114.977.813 | 3.240.051.184 |
| + Công ty con | - | - |
| + Chi nhánh | - | - |
| Cộng | <u>12.114.977.813</u> | <u>3.240.051.184</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|---------------------|---------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN | 45.826.798.206 | 12.960.204.739 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | - | - |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 45.826.798.206 | 12.960.204.739 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 20.355.188 | 10.000.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | <u>2.251</u> | <u>1.296</u> |

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 10.000.000 | 10.000.000 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 8 năm 2020 | 5.125.158 | - |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 9 năm 2020 | 2.130.495 | - |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 10 năm 2020 | 1.867.576 | - |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 11 năm 2020 | 1.231.960 | - |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | <u>20.355.188</u> | <u>10.000.000</u> |

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 159.861.850.721 | 335.550.577.724 |
| Chi phí nhân công | 20.666.014.110 | 25.745.304.934 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 17.236.642.581 | 6.360.043.322 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 98.114.210.929 | 150.880.809.741 |
| Chi phí khác | 6.986.511.307 | 4.494.487.592 |
| Cộng | <u>302.865.229.648</u> | <u>523.031.223.313</u> |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| Đầu tư vào công ty liên doanh bằng máy móc | - | 4.187.307.985 |
| Đầu tư vào Công ty liên doanh bằng hàng hóa | 19.640.362.522 | - |
| Cán trừ công nợ phải thu lãi vay và phải trả tiền thuê trại | 1.207.912.223 | 69.049.290 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
| Thu nhập thành viên Ban lãnh đạo (VND) | | |
| <i>Bà Bùi Hương Giang</i> | 56.625.000 | - |
| <i>Ông Phan Ngọc Ân</i> | 61.340.000 | - |
| <i>Ông Nguyễn Anh Tuấn</i> | - | 70.000.000 |
| <i>Ông Nguyễn Thanh Hải</i> | 28.380.000 | - |
| <i>Bà Dương Thị Hồng Tân</i> | 61.250.000 | - |
| <i>Bà Đỗ Thị Thùy Dung (Miễn nhiệm ngày 21/7/2020)</i> | 61.250.000 | 105.000.000 |
| <i>Ông Nguyễn Bá Vinh (Miễn nhiệm ngày 21/7/2020)</i> | 24.500.000 | - |

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------|------------------|
| Tặng vốn trong năm | | |
| <i>Bà Bùi Hương Giang</i> | 320.000.000.000 | - |
| <i>Bà Vũ Thị Thùy Dung</i> | 40.000.000.000 | - |
| <i>Ông Nguyễn Anh Tuấn</i> | 40.000.000.000 | - |
| Tạm ứng thành viên Ban lãnh đạo | | |
| <i>Ông Nguyễn Đức Thắng- Giám đốc Dự án</i> | 19.255.131.513 | - |

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan được trình bày tại thuyết minh V.6.

B, Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|---|--------------------|
| Myanmar BAF Joint Venture Company Limited | Công ty liên doanh |

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
| Myanmar BAF Joint Venture Company Limited | | |
| Đầu tư bằng tiền | - | 9.066.641.909 |
| Đầu tư bằng máy móc thiết bị | - | 4.187.307.985 |
| Đầu tư vào Công ty liên doanh bằng hàng hóa | 19.640.362.522 | - |

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.2.

2. Thông tin về bộ phận

A, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- + Lĩnh vực thương mại
- + Lĩnh vực chăn nuôi và dịch vụ trại heo

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Lĩnh vực thương mại | Lĩnh vực chăn nuôi và dịch vụ trại heo | Cộng |
|---|----------------------------|---|---------------------------|
| Năm nay | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 12.414.899.999,545 | 430.706.077,881 | 12.845.606.077,426 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 12.414.899.999,545 | 430.706.077,881 | 12.845.606.077,426 |
| Chi phí bộ phận | (12.288.455.478,292) | (361.963.862,866) | (12.650.419.341,158) |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 126.444.521,253 | 68.742.215,015 | 195.186.736,268 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | - | - | (16.503.195,993) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | - | - | 178.683.540,275 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | - | - | 4.078.219,283 |
| Chi phí tài chính | - | - | (119.150.779,549) |
| Thu nhập khác | - | - | 1.015.767,945 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | - | - | (6.684.971,935) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | - | - | (12.114.977,813) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | - | - | 45.826.798,206 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | - | 284.336.044,812 | 284.336.044,812 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | - | 34.274.058,241 | 34.274.058,241 |



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| Số cuối năm | Lĩnh vực thương mại | Lĩnh vực chăn nuôi và dịch vụ trại heo | Cộng |
|--|----------------------------|---|--------------------------|
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 4.346.493.488.066 | 587.101.279.223 | 4.933.594.767.289 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | - | - | 312.237.828.551 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | - | - | 5.245.832.595.840 |
| Tổng tài sản | | | |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 4.559.023.206.507 | 107.696.451.594 | 4.666.719.658.101 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | - | - | 13.524.518.870 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | - | - | 4.680.244.176.971 |
| Tổng nợ phải trả | | | |
| Số đầu năm | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 5.768.162.969.376 | 365.607.604.218 | 6.133.770.573.594 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | - | - | 203.959.783.591 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | - | - | 6.337.730.357.185 |
| Tổng tài sản | | | |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 4.266.819.197.740 | 29.575.231.679 | 4.296.394.429.419 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | - | - | 1.921.574.307.103 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | - | - | 6.217.968.736.522 |
| Tổng nợ phải trả | | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

B, Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của

Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản trong đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|-------------------------|-------------------------------|---------------------------------|-----------------------|--------------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Vay và nợ | 10.210.640.000 | 64.318.000.959 | - | 74.528.640.959 |
| Phải trả người bán | 4.529.370.317.713 | - | - | 4.529.370.317.713 |
| Các khoản phải trả khác | 15.723.641.948 | - | - | 15.723.641.948 |
| Cộng | 4.555.304.599.661 | 64.318.000.959 | - | 4.619.622.600.620 |
| Số đầu năm | | | | |
| Vay và nợ | 1.844.322.869.189 | 59.850.000.000 | - | 1.904.172.869.189 |
| Phải trả người bán | 4.104.526.041.161 | 191.596.183.155 | - | 4.296.122.224.316 |
| Các khoản phải trả khác | 5.267.928.278 | - | - | 5.267.928.278 |
| Cộng | 5.954.116.838.628 | 251.446.183.155 | - | 6.205.563.021.783 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

C, Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

| | Giá trị sổ sách | | Giá trị hợp lý | |
|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 68.075.924.740 | 29.482.879.719 | 68.075.924.740 | 29.482.879.719 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 17.000.000.000 | 11.130.000.000 | 17.000.000.000 | 11.130.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 3.518.691.350.382 | 5.071.731.428.383 | 3.518.691.350.382 | 5.071.731.428.383 |
| Các khoản cho vay | 25.655.967.223 | 17.000.000.000 | 25.655.967.223 | 17.000.000.000 |
| Các khoản phải thu khác | 117.067.233.628 | 71.107.767.853 | 117.067.233.628 | 71.107.767.853 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 34.624.187.416 | 14.983.824.894 | 34.624.187.416 | 14.983.824.894 |
| Cộng | 3.781.114.663.389 | 5.215.435.900.849 | 3.781.114.663.389 | 5.215.435.900.849 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Vay và nợ | 74.528.640.959 | 1.904.172.869.189 | 74.528.640.959 | 1.904.172.869.189 |
| Phải trả người bán | 4.529.370.317.713 | 4.296.122.224.316 | 4.529.370.317.713 | 4.296.122.224.316 |
| Các khoản phải trả khác | 15.723.641.948 | 5.267.928.278 | 15.723.641.948 | 5.267.928.278 |
| Cộng | 4.619.622.600.620 | 6.205.563.021.783 | 4.619.622.600.620 | 6.205.563.021.783 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Năm 2019, Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam đã chuyển 111.473.100.000 VND thanh toán tiền mua Bất động sản, số tiền này đã được phản ánh vào dòng tiền Chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác (chỉ tiêu 21). Tuy nhiên đến năm 2020, do không thực hiện được các thủ tục sang tên Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất, Công ty đã thu hồi lại toàn bộ số tiền nêu trên (tham chiếu thuyết minh số V.13). Do đó, Công ty thực hiện phân loại lại dòng tiền Chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác sang Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh. Cụ thể như sau:

| | Mã số | Số liệu theo BCTC đã kiểm toán | Số liệu điều chỉnh lại | Số liệu theo BCTC hợp nhất sau điều chỉnh |
|---|-------|--------------------------------|------------------------|---|
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất | | | | |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | - | (111.473.100.000) | (111.473.100.000) |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | (131.259.429.911) | 111.473.100.000 | (19.786.329.911) |

Lập ngày 30 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Trần Quốc Đạt

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Thúy

Chủ tịch Hội đồng Giám đốc



Bùi Hương Giang